**Mục lục**

[1. HTML là gì? 2](#_Toc528501258)

[Đoạn HTML mẫu 2](#_Toc528501259)

[2. Các thẻ tag của HTML 2](#_Toc528501260)

[3. HTML Attributes 4](#_Toc528501261)

[4. HTML Headings 5](#_Toc528501262)

[5. HTML Paragraphs 5](#_Toc528501263)

[6. HTML Formatting Elements 5](#_Toc528501264)

[7. HTML Quotation and Citation Elements (trích dẫn) 6](#_Toc528501265)

[7.1 HTML <q></q> cho các trích dẫn ngắn 6](#_Toc528501266)

[7.2 HTML <blockquote></blockquote> cho trích dẫn dài 6](#_Toc528501267)

[7.3 HTML <abbr> </abbr> cho các từ viết tắt 6](#_Toc528501268)

[7.4 HTML <address> cho Thông tin Liên hệ 6](#_Toc528501269)

[7.5 HTML <cite> cho tiêu đề công việc 6](#_Toc528501270)

[7.6 HTML <bdo> ghi văn bản từ phải qua 6](#_Toc528501271)

[8. HTML <!-- Comment Tags --> 6](#_Toc528501272)

**HTML Introduction**

# HTML là gì?

HTML là ngôn ngữ đánh dấu chuẩn để tạo các trang Web.

* HTML là viết tắt của Hyper Text Markup Language
* HTML mô tả cấu trúc của các trang Web sử dụng đánh dấu
* Các phần tử HTML là các khối xây dựng của các trang HTML
* Các phần tử HTML được biểu diễn bằng thẻ
* Thẻ HTML gắn nhãn các phần nội dung như "tiêu đề", "đoạn", "bảng", v.v.
* Trình duyệt không hiển thị các thẻ HTML, nhưng sử dụng chúng để hiển thị nội dung của trang

## Đoạn HTML mẫu

|  |
| --- |
| <!DOCTYPE html> <html> <head> <title>Page Title</title> </head> <body> <h1>My First Heading</h1> <p>My first paragraph.</p> </body> </html> |

**HTML5:**

|  |
| --- |
| <!DOCTYPE html> <html> <head> <meta charset="UTF-8"> <title>Title of the document</title> </head> <body> Content of the document...... </body> </html> |

# Các thẻ tag của HTML

|  |  |
| --- | --- |
| **Tag** | **Miêu tả** |
| **<!DOCTYPE...>** | Còn gọi là thẻ khai báo một tài liệu HTML. Thẻ này xác định loại tài liệu và phiên bản HTML.  Khai báo <! DOCTYPE> đại diện cho loại tài liệu và giúp các trình duyệt hiển thị các trang web một cách chính xác. Nó chỉ phải xuất hiện một lần, ở đầu trang (trước bất kỳ thẻ HTML nào).  Khai báo <! DOCTYPE> không phân biệt chữ hoa chữ thường. Tuyên bố <! DOCTYPE> cho HTML5 là:  <!DOCTYPE html> |
| **<html>** | Thẻ này bao phủ các tài liệu HTML đầy đủ. Còn đầu trang tài liệu thì được biểu diễn bởi các thẻ **<head>... </head>** và thân tài liệu là các thẻ **<body>...</body>**  Ngôn ngữ được khai báo với thuộc tính lang. Tuyên bố ngôn ngữ là quan trọng đối với các ứng dụng *trợ năng (trình đọc màn hình) và các công cụ tìm kiếm*:  Hai chữ cái đầu tiên chỉ định ngôn ngữ (en). Nếu có một phương ngữ, hãy sử dụng thêm hai chữ cái nữa (US).  <html lang="en-US"> |
| **<head>** | Thẻ này đại diện cho đầu trang tài liệu mà có thể giữ các thẻ HTML như <title>, <link> ... |
| **<title>** | Thẻ **<title>** được sử dụng trong thẻ <head> chỉ tiêu đề tài liệu. |
| **<body>** | Thẻ này đại diện cho thân tài liệu và giữ các thẻ như <h1>, <div>, <p> ... |
| **<h1>**  **<h2>**  **<h3>**  **….**  **<h6>** | Thẻ này đại diện cho các tiêu đề trang. |
| **<div></div>** | Thẻ cấu thành layout |
| **<p>** | Thẻ này đại diện cho đoạn văn. |
| **Thẻ ngắt dòng (Line break): <br> hoặc <br />** | là một thẻ rỗng (empty tag) có chức năng ngắt dòng như chữ, hình ảnh, video. |
| **<b></b>** | là thẻ in đậm dùng chỉ để định dạng văn bản |
| **<strong></strong>** | là thẻ in đậm giống với thẻ <b></b> nhưng thẻ Strong được dùng để nhấn mạnh câu, từ, chữ |
| **<i></i>** | là thẻ in nghiêng dùng chỉ để định dạng văn bản |
| **<em></em>** | là thẻ in nghiêng giống với thẻ <i></i> nhưng thẻ Emphasic được dùng để nhấn mạnh câu, từ, chữ. |
| **<u></u>** | là thẻ định dạng văn bản có gạch dưới chữ |
| **<del></del>** | là thẻ gạch ngang giữa chữ có ý nghĩa ám chỉ đây là đoạn văn bản đã được loại bỏ. |
| **<sub></sub>** | là thẻ định dạng nội dung nằm phía dưới chân chữ. Ví dụ: H2O |
| **<blockquote>**  **</blockquote>** | là thẻ trưng dẫn câu nói của ai đó hoặc từ nào đó mà phải giữ nghuyên văn không được thay đổi. |
| **<hr> hoặc <hr />** | là thẻ có dòng kẻ ngang. Từ các phiên bản HTML 4.0.1 trở về trước, thẻ <hr> chỉ có tác dụng hiển thị dòng kẻ ngang và chấp nhận các thuộc tính như align (left, right, center), noshade (Tạo đổ bóng), size, height, width. Nhưng với HTML 5 ra đời với mục đích mang web có tính ngữ nghĩa vì vậy thẻ <hr> trong HTML 5 có ý nghĩa phân tách chủ đề, nội dung và không chấp nhận các thuộc tính mà thay vào đó sử dụng CSS để định dạng. |
| ***<!-- -->*** | Comment trong html. |

# HTML Attributes

|  |  |
| --- | --- |
| Attribute | Description |
| alt | Chỉ định văn bản thay thế cho hình ảnh, khi không thể hiển thị hình ảnh |
| disabled | Chỉ định rằng một yếu tố đầu vào nên được vô hiệu hóa |
| href | Chỉ định URL (địa chỉ web) cho một liên kết |
| id | Chỉ định một id duy nhất cho một phần tử |
| src | Chỉ định URL (địa chỉ web) cho một hình ảnh |
| style | Chỉ định kiểu CSS nội tuyến cho một phần tử |
| title | Chỉ định thêm thông tin về một phần tử (được hiển thị dưới dạng một mẹo công cụ) |

# HTML Headings

Các tiêu đề được xác định bằng các thẻ <h1> đến <h6>.

<h1> xác định tiêu đề quan trọng nhất. <h6> xác định tiêu đề ít quan trọng nhất.

**Headings Are Important**

Công cụ tìm kiếm sử dụng các tiêu đề để lập chỉ mục cấu trúc và nội dung của các trang web của bạn. Người dùng lướt qua các trang của bạn theo các tiêu đề của nó. Điều quan trọng là sử dụng các tiêu đề để hiển thị cấu trúc tài liệu.

<h1> tiêu đề nên được sử dụng cho các tiêu đề chính, tiếp theo là <h2> tiêu đề, sau đó <h3> ít quan trọng hơn, v.v.

**The HTML <head> Element**

Phần tử HTML <head> không liên quan gì đến các tiêu đề HTML. Phần tử <head> là vùng chứa siêu dữ liệu. Siêu dữ liệu HTML là dữ liệu về tài liệu HTML. Siêu dữ liệu không được hiển thị.

Siêu dữ liệu thường xác định tiêu đề tài liệu, bộ ký tự, kiểu, liên kết, tập lệnh và thông tin meta khác.

Phần tử <head> được đặt giữa thẻ <html> và thẻ <body>

# HTML Paragraphs

Trình duyệt tự động thêm một số khoảng trắng (lề) trước và sau một đoạn văn.

**HTML Display**

Bạn không thể chắc chắn cách HTML sẽ được hiển thị. Màn hình lớn hoặc nhỏ và các cửa sổ đã được thay đổi kích thước sẽ tạo ra các kết quả khác nhau.

Với HTML, bạn không thể thay đổi đầu ra bằng cách thêm các khoảng trống thừa hoặc các dòng thừa trong mã HTML của bạn. Trình duyệt sẽ xóa mọi khoảng trắng thừa và các dòng thừa khi trang được hiển thị

# HTML Formatting Elements

Trong chương trước, bạn đã tìm hiểu về thuộc tính kiểu HTML. HTML cũng định nghĩa các phần tử đặc biệt để xác định văn bản có ý nghĩa đặc biệt.

HTML sử dụng các phần tử như <b> và <i> cho định dạng đầu ra, như chữ in đậm hoặc in nghiêng. Các yếu tố định dạng được thiết kế để hiển thị các loại văn bản đặc biệt:

<b> - **đậm**

<strong> - **đậm và quan trọng**

<i> - *in nghiêng*

<em> - *in nghiêng và nhấn mạnh*

<mark> - highlight

<small> - nhỏ

<del> - ~~ngang giữa~~

<ins> - gạch dưới

<sub> - Subscript text

<sup> - Superscript text

Trình duyệt hiển thị <strong> như <b> và <em> như <i>. Tuy nhiên, có một sự khác biệt về ý nghĩa của các thẻ này: <b> và <i> định nghĩa văn bản in đậm và in nghiêng, nhưng <strong> và <em> có nghĩa là văn bản là "quan trọng".

# HTML Quotation and Citation Elements (trích dẫn)

## HTML <q></q> cho các trích dẫn ngắn

Phần tử HTML <q> định nghĩa một trích dẫn ngắn. Các trình duyệt thường chèn dấu ngoặc kép xung quanh phần tử <q>.

WWF's goal is to: “Build a future where people live in harmony with nature.”

## HTML <blockquote></blockquote> cho trích dẫn dài

Phần tử HTML <blockquote> định nghĩa một phần được trích dẫn từ một nguồn khác. Các trình duyệt thường thụt lề các phần tử <blockquote>.

## HTML <abbr> </abbr> cho các từ viết tắt

Phần tử HTML <abbr> định nghĩa một từ viết tắt hoặc một từ viết tắt. Đánh dấu chữ viết tắt có thể cung cấp thông tin hữu ích cho các trình duyệt, hệ thống dịch và công cụ tìm kiếm.

The <abbr title="World Health Organization">WHO</abbr> was founded in 1948.

## HTML <address> cho Thông tin Liên hệ

Phần tử <address> thường được hiển thị bằng chữ in nghiêng. Hầu hết các trình duyệt sẽ thêm ngắt dòng trước và sau phần tử.

## HTML <cite> cho tiêu đề công việc

Phần tử HTML <cite> xác định tiêu đề của một tác phẩm. Các trình duyệt thường hiển thị các phần tử <cite> in nghiêng.

## HTML <bdo> ghi văn bản từ phải qua

Phần tử <bdo> HTML định nghĩa ghi đè hai hướng. Phần tử <bdo> được sử dụng để ghi đè hướng văn bản hiện tại:

<bdo dir="rtl">This line will be written from right to left</bdo>

# HTML <!-- Comment Tags -->

<!-- Write your comments here -->

# HTML Links - The target Attribute

Thuộc tính target xác định nơi để mở tài liệu được liên kết.

Thuộc tính đích có thể có một trong các giá trị sau:

\_blank : Mở tài liệu được liên kết trong cửa sổ hoặc tab mới

\_self : Opens the linked document in the same window/tab as it was clicked (this is default)

\_parent : Mở tài liệu được liên kết trong khung chính

\_top : Mở tài liệu được liên kết trong toàn bộ phần thân của cửa sổ

framename : Mở tài liệu được liên kết trong một khung có tên

<a href="https://www.w3schools.com/" target="\_blank">Visit</a>

# HTML Links - Image as Link

<a href="default.asp">  
  <img src="smiley.gif" alt="HTML tutorial"

style="width:42px;height:42px;border:0;"></a>

***border: 0;*** được thêm vào để ngăn chặn IE9 (và trước đó) hiển thị đường viền xung quanh hình ảnh (khi hình ảnh là một liên kết).